

Số: /GPMT-KKT Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 3110/2023/CV-SV ngày 31/10/2023 của Công ty TNHH Seyoung Vina về đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án Nhà máy Seyoung Vina và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Seyoung Vina, địa chỉ tại Lô CN13, Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Seyoung Vina tại Lô CN13, Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Seyoung Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN13, Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201767853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 11 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13 tháng 3 năm 2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 7606666215 do Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 6 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 4201767853.

1.5. Loại hình sản xuất: gia công, lắp đặt cụm khoang máy, module, bộ phận nguyên cụm, các loại ống, cấu kiện thép của tàu phục vụ đóng mới và phục vụ các dự án công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 32.137,5 m².

- Quy mô: dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất: 1.200 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Seyoung Vina (*Công ty*) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các

công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các thông tin, số liệu liên quan đến dự án đầu tư được nêu tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp phép.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tham mưu nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Trưởng ban (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Thủy;
- Công ty TNHH Seyoung Vina;
- Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong;
- Cổng Thông tin điện tử của Ban quản lý;
- Phòng QLĐN, QLQHXD;
- Lưu: VT, QLTNMT, NKT, 12.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Nghị

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày...tháng...năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (*nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Ninh Thủy theo Văn bản số 03/PLHĐKCN/HCVP được ký kết giữa Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong (Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Ninh Thủy) và Công ty TNHH Seyoung Vina ngày 26/5/2023, nước thải không xả trực tiếp ra môi trường*).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực nhà ăn được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m³ (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m³ (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực xưởng gia công thép carbon được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m³ (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh tại khu vực xưởng xử lý thụ động hóa inox được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn thiết kế chống thấm, kích thước 10,2 m³ (3,4m x 2m x 1,5m) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu bếp tại khu vực nhà ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ dung tích 200 lít để xử lý sơ bộ, sau đó thoát vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải vệ sinh sàn nhà vệ sinh, lavabo tại khu vực nhà ăn, văn phòng, xưởng gia công thép carbon và xưởng xử lý thụ động hóa inox thu gom vào đường ống thu gom HDPE D150, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bề mặt tại xưởng xử lý thụ động hóa inox được thu gom vào bể thu gom 80m³ bằng mương thoát nước thải hở có tấm đan thép, kích thước 300mm x 300mm, chiều dài 74m, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bề mặt tại xưởng xử lý phủ phosphat được thu gom vào bể thu gom 50m³ bằng mương thoát nước thải hở có tấm đan thép, kích thước 300mm x 300mm, chiều dài 110m, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ công đoạn thử áp tại xưởng thử áp lực được thu gom vào bể thu gom 50m³ bằng mương thoát nước thải hở có tấm đan thép, kích thước 150mm x 150mm, chiều dài 58m, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Ninh Thủy.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (*hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Khu công nghiệp Ninh Thủy*).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Nước thải → Bể thu gom → Bể keo tụ lắng bùn → Bể lọc trọng lực → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Ninh Thủy.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Al₂(SO₄)₃ (*hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Khu công nghiệp Ninh Thủy*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống

xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

+ Trang bị các phương tiện, thiết bị, máy phát điện dự phòng cần thiết để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Khi nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phát hiện hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, sẽ đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Ninh Thủy; khẩn trương thông báo cho cấp có thẩm quyền biết; tiến hành khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải sớm nhất; toàn bộ nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong hệ thống xử lý, cụ thể:

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: lưu chứa tạm thời tại bể thu gom, bể điều hòa và các công trình khác trong hệ thống.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất: lưu chứa tạm thời tại 02 bể thu gom 50 m³ và 80 m³.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải lưu chứa tại các bể sẽ được bơm lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt theo tiêu chuẩn đầu nối với Khu công nghiệp Ninh Thủy trước khi đưa về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài, hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo cho việc lưu chứa nước thải trong quá trình khắc phục sự cố, phải thỏa thuận với Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong để xử lý. Trường hợp không thỏa thuận được với Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong, phải ký hợp đồng chuyên giao toàn bộ lượng nước thải cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Tại vị trí bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ Tại vị trí sau bồn lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

+ Tại vị trí 02 bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ Tại vị trí sau bồn lọc trọng lực của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đáp ứng theo tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp Ninh Thủy.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Ninh Thủy.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ Nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp Ninh Thủy trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Ninh Thủy.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2023
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: lò hơi đốt dầu DO.
- Nguồn số 02: hệ thống phun bi.
- Nguồn số 03: hệ thống phun sơn số 01.
- Nguồn số 04: hệ thống phun sơn số 02.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Thông tin về dòng xả khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải <i>(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^o15, múi chiều 3^o)</i>	
	X (m)	Y (m)
Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống khói lò hơi đốt dầu DO (thoát khí thải từ nguồn số 01).	1383039	607429
Dòng khí thải số 02: tương ứng với ống thải sau khi xử lý từ hệ thống phun bi (thoát khí thải từ nguồn số 02).	1383104	607447
Dòng khí thải số 03: tương ứng với ống thải sau khi xử lý từ hệ thống phun sơn số 01 (thoát khí thải từ nguồn số 03).	1383153	607468
Dòng khí thải số 04: tương ứng với ống thải sau khi xử lý từ hệ thống phun sơn số 02 (thoát khí thải từ nguồn số 04).	1383134	607461

- Địa chỉ: Lô CN13, Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 1.600 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 96.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: 96.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: 96.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong quá trình hoạt động (thời gian tối đa 12 giờ/ngày.đêm).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K_p= 1,0; K_v= 0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I. Dòng khí thải số 02					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Áp suất	hPa	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	160 (*)		
II. Dòng khí thải số 03 và 04					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Áp suất	hPa	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	160 (*)		
5	Xylen	mg/Nm ³	870 (**)	01 năm/lần	
6	Toluen	mg/Nm ³	750 (**)		
7	Styren	mg/Nm ³	100 (**)		
Đối với dòng khí thải số 01: nhiên liệu dầu DO sử dụng cho lò hơi phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật.					

(*): Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số K_p = 1, K_v = 0,8).

(**): Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom, thoát ra môi trường không khí bằng ống khói đường kính D350, chiều cao 8m tính từ mặt đất.
- Nguồn số 02: bụi phát sinh từ hệ thống phun bi được thu gom qua hệ thống xử lý để xử lý.
- Nguồn số 03: bụi, khí thải từ hệ thống phun sơn số 01 được thu gom qua hệ thống xử lý để xử lý.
- Nguồn số 04: bụi, khí thải từ hệ thống phun sơn số 02 được thu gom qua hệ thống xử lý để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi phun bi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Quạt hút → Tủ sàng → Tủ bụi vệ sinh hạt → Tủ hút bụi (03 tủ hút bụi) → Ống thoát D1.600 → Môi trường không khí.
- Công suất thiết kế: 96.000 m³/giờ.
- Hóa chất sử dụng: không sử dụng.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi phun sơn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Màn lọc (polyester) → Hệ thống giảm âm → Ống thoát D1.600 → Môi trường không khí.
- Công suất thiết kế: 96.000 m³/giờ.
- Hóa chất sử dụng: không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp khí thải phát sinh từ hoạt động của các hệ thống thiết bị xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.
- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục nếu các sự cố xảy ra.
- Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khi phát hiện hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố, Nhà máy khẩn trương ngừng hoạt động sản xuất tại công đoạn phát sinh bụi, khí thải; tiến hành sửa chữa, khắc phục hệ thống xử lý kịp thời; chỉ hoạt động lại sau khi khắc phục

xong sự cố, bảo đảm khí thải xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi của hệ thống phun bi: công suất thiết kế 96.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của hệ thống phun sơn số 1: công suất thiết kế 96.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của hệ thống phun sơn số 2: công suất thiết kế 96.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thải của các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý; đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý bụi, khí thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc, vật liệu để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực thực hiện gia công cơ khí trong xưởng gia công thép carbon.
- Nguồn số 02: Tại khu vực thực hiện gia công cơ khí trong xưởng gia công thép inox.
- Nguồn số 03: Tại khu vực đặt máy phun bi trong xưởng bắn bi.
- Nguồn số 04: Tại khu vực phun sơn trong xưởng sơn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh	Tọa độ vị trí (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108 ^o 15, múi chiều 3 ^o)	
	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	1383092	607596
Nguồn số 02	1383104	607447
Nguồn số 03	1383151	607485
Nguồn số 04	1383051	607576

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.
- Tăng cường việc trồng, bố trí cây xanh xung quanh trong khuôn viên của nhà máy.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2023
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống thu gom, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp có các thành phần nguy hại	12 06 06	10.000
2	Giẻ lau thấm dầu	18 02 01	50
3	Thùng sơn kim loại thải rỗng	18 01 02	3.000
4	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	200
5	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	50
6	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	50
7	Hộp mực in thải	08 02 04	10
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
9	Bao bì cứng thải đựng hóa chất bằng nhựa	18 01 03	500
10	Bình ắc quy chì thải	19 06 01	10
	Tổng cộng		13.875

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phế liệu trong quá trình sản xuất (sắt thép dư thừa, giấy, nhựa, thùng carton,...)	13.500
2	Bi thép thải từ quá trình phun bi	13.500
3	Bùn thải nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	10
	Tổng cộng	27.010

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	60
	Tổng cộng	60

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 50 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín cho toàn bộ khu vực; có dán nhãn, biển cảnh báo và các thiết bị ứng phó sự cố đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bao nhựa.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

+ Diện tích: 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: có mái che, có tường che chắn xung quanh kín, nền bê tông không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa dung tích 120 lít và dung tích 1.000 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 40 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: có nền bê tông cốt thép, mái tôn che, rào xung quanh, có cửa ra vào và dán nhãn.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường khác đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày...tháng ... năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý toàn bộ lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo việc phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND phường Ninh Thủy (nơi thực hiện dự án) theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

4. Tổ chức thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; gửi kết quả báo cáo định kỳ về Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa và Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong với thời hạn là trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

5. Trường hợp các văn bản pháp luật áp dụng tại Giấy phép môi trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật mới ban hành.